

UNIT 8: HOW CAN WE CARE FOR THE EARTH?

Lesson 19: Numeracy

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh hiểu về cách biểu diễn và ý nghĩa của số 90.

II. Key vocabulary:

10

Ten

(Số mười)



20

Twenty

(Số hai mươi)



30

Thirty

(Số ba mươi)



40

Forty

(Số bốn mươi)



50

Fifty

(Số năm mươi)



60

Sixty

(Số sáu mươi)



70

Seventy

(Số bảy mươi)



80

Eighty

(Số tám mươi)

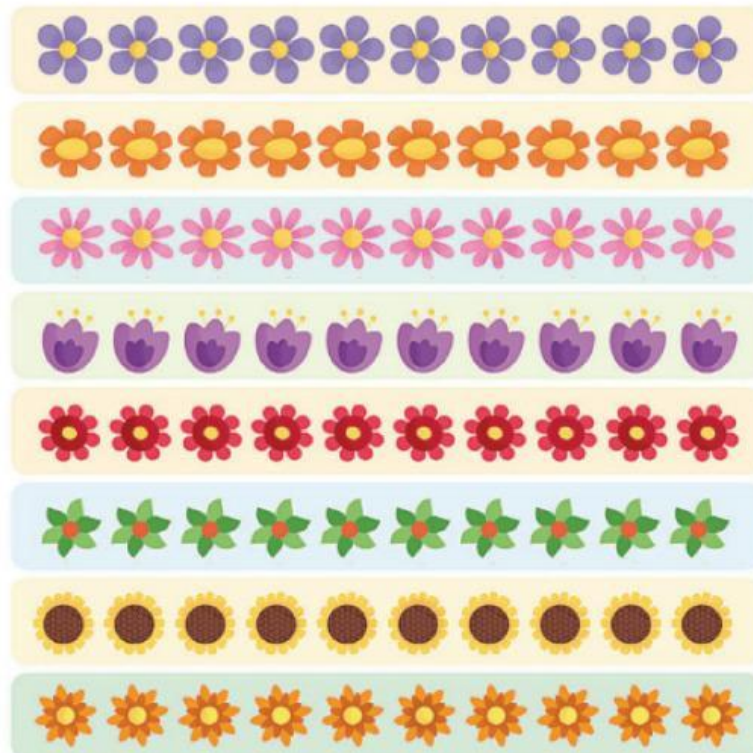


90

Ninety
(Số chín mươi)



III. Key language:



How many (flowers) can you see? Let's count by tens. Sets of ten. Nine sets of ten.

